

Bản án số: **41/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 29-5-2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Chung Quốc Hội**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đặng Thành Tấn**.

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Quốc Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Cẩm T**, sinh năm 1988 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố Khu T, đặc khu P, tỉnh An Giang**.

CCCD: 091188010976, cấp ngày 09/8/2021.

Bị đơn: Ông **Ung Ôn L**, sinh năm 1981 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố H D, đặc khu P, tỉnh An Giang**.

CCCD: 091081016468, cấp ngày 19/8/2022.

Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ung Ôn L** Líp kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 1 ngày 08/7/2009 tại **UBND thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang** (nay là **UBND đặc khu P, tỉnh An Giang**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà **Mai Thị Cẩm T** trình bày:*

Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng O** Líp kết hôn với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 1 ngày 08/7/2009 tại **UBND thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang** (nay là **UBND đặc khu P, tỉnh An Giang**).

Vợ chồng có một người con chung tên **Ứng Bảo N**, sinh ngày 08/8/2008 hiện nay đang sống với bà **T**.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc.

*Bà **Mai Thị Cẩm T** yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông **Ứng O L**.

Về con chung: Bà **T** xác nhận vợ chồng có một người con chung tên **Ứng Bảo N**, sinh ngày 08/8/2008. Bà **T** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng, ông **Ứng O L** trình bày:*

Ông **Ứng O L** xác nhận lời trình bày của bà **T** về mối quan hệ hôn nhân, con chung, về tài sản chung, về nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng.

Ông **L** thừa nhận quá trình chung sống có những mâu thuẫn là do lỗi của ông hiểu nhầm bà có mối quan hệ tình cảm với người khác nên bà **T** giận ông, mâu thuẫn trong tiền bạc, công việc của vợ chồng.

Ông **L** không đồng ý ly hôn với bà **T**, vì vẫn còn thương vợ, thương con, không muốn ly hôn, ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị Cẩm T** được ly hôn với ông **Ứng Ôn L**.

Về con chung: Giao cho bà **T** nuôi người con tên **Ứng Bảo N**, sinh ngày 08/8/2008. Bà **T** không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung: Bà **T** và ông **L** xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Bà **T** và ông **L** không có nợ ai, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng Ô** Líp có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng Ôn L**.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông **Ứng Ôn L** có địa chỉ cư trú tại **khu phố H D, đặc khu P, tỉnh An Giang**. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **T** và ông **L** tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyền số 1 ngày 08/7/2009 tại **UBND thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang** (nay là **UBND đặc khu P, tỉnh An Giang**), đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau ...*”

Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải, động viên, giải thích cho vợ chồng bà T và ông L về chung sống, đoàn tụ, tuy nhiên bà T cương quyết ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà T và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung: Bà T và ông L xác nhận vợ chồng có một người con chung tên **Ung Bảo N**, sinh ngày 08/8/2008 hiện nay đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi cháu N. Tại Văn bản ngày 10/9/2026, cháu N yêu cầu được ở với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu N đang sống với bà T, để tránh thay đổi môi trường sinh hoạt, học tập và theo nguyện vọng của cháu N, nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông L xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông L xác nhận không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 19; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị Cẩm T** được ly hôn với ông **Ứng Ôn L**.

2. Về con chung: Giao cho bà **Mai Thị Cẩm T** nuôi dưỡng người con chung tên **Ứng Bảo N**, sinh ngày 08/8/2008 đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà **Mai Thị Cẩm T** và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **L** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng Ôn L** xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng Ôn L** xác nhận không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà **Mai Thị Cẩm T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Bà **T** đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011218 ngày 09/12/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Khấu trừ vào tiền án phí, bà **T** đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà **Mai Thị Cẩm T** và ông **Ứng Ô** Líp có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND kv2 – An Giang;
- Phòng THADS kv2 – An Giang;
- UBND xã Tân Bình, Tp. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Quốc Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Quốc Hội